

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 723/2026/DS-PT

Ngày: 13 - 8 - 2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Hà

Ông Nguyễn Chí Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 433/2026/TLPT-DS ngày 01/7/2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2026/DS-ST ngày 22/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 623/2026/QĐXXPT-DS ngày 14/7/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Lê Thị M, sinh năm 1963 (có mặt)

2. Ông Trần Văn B, sinh năm 1960 (có mặt)

Cùng Địa chỉ: số B, ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Thái Hoài T, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: số B, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị M, ông Trần Văn B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2025 của nguyên đơn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

Bà và ông Trần Văn B có vay tiền của anh Thái Hoài T 03 lần:

+ Lần 01: Vay ngày 02/8/2024, vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay đóng tiền học phí cho con gái đi học, thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 02/8/2024, lãi suất vay theo hợp đồng là 1,5%/tháng, thực tế đóng 5% tháng. Khi vay hai bên có lập hợp đồng vay tiền có bảo đảm bằng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 453, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (Nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long), hợp đồng được công chứng tại phòng công chứng Nguyễn Ngọc T1.

Lần 2: Vay ngày 14/9/2024, vay số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay chi tiêu sinh hoạt gia đình, thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 14/9/2024, lãi suất vay theo hợp đồng là 1,5%/tháng, thực tế đóng 5% tháng. Khi vay hai bên không có lập hợp đồng vay chỉ lập văn bản giao, nhận tiền.

Lần 3: Vay ngày 24/4/2025, vay số tiền 40.000.000 đồng, mục đích vay đóng lãi cho anh T, hai bên không có thoả thuận thời hạn vay, lãi suất vay là 15%/tháng. Khi vay hai bên không có lập hợp đồng vay chỉ lập văn bản giao, nhận tiền.

Tổng số tiền vay 03 lần là 190.000.000 đồng, số tiền này anh T đã giao đủ cho vợ chồng bà. Kể từ khi vay tiền đến nay bà và ông B chưa trả khoản tiền vay gốc nào cho anh T.

Bà và ông B có đóng tiền lãi cho anh T cụ thể:

+ Đối với số tiền vay 100.000.000 đồng, đóng lãi từ 02/8/2024 đến ngày 02/8/2025 là 12 tháng, mỗi tháng là 5.000.000 đồng, 12 tháng là 60.000.000 đồng.

+ Đối với số tiền vay 50.000.000 đồng, đóng lãi từ 14/9/2024 đến ngày 14/06/2025 là 09 tháng, mỗi tháng là 2.500.000 đồng, 09 tháng là 22.500.000 đồng.

+ Đối với số vay 40.000.000 đồng, đóng lãi từ 24/4/2025 đến ngày 24/8/2025 là 04 tháng, mỗi tháng là 6.000.000 đồng, 04 tháng là 24.000.000 đồng.

Đóng tiền lãi thông qua hình thức chuyển khoản và giao tiền mặt. Đối với số tiền lãi đã đóng vượt quá quy định pháp luật bà yêu cầu tính lại mức lãi suất theo đúng quy định pháp luật. Yêu cầu tính lại các khoản vay theo mức lãi suất vay trong hạn là 1,5%/tháng, khoản tiền lãi dư ra sẽ cần trừ vào tiền vay gốc.

Giữa bà, ông B và anh T có thoả thuận lập “giấy mượn tiền” mới không đề ngày, tháng, năm với nội dung vợ chồng bà có mượn của anh T số tiền 215.000.000 đồng, trong số tiền này có 190.000.000 đồng tiền vay gốc và 25.000.000 đồng tiền lãi. Sau khi lập giấy nhận nợ này anh T đã trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 453, tờ bản đồ số 4 cho bà và

ông B.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Huỷ hợp đồng vay tiền giữa ông Trần Văn B, bà Lê Thị M với anh Thái Hoài T được công chứng ngày 02/08/2024 tại phòng công chứng Nguyễn Ngọc T1. Buộc anh Thái Hoài T phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 453, tờ bản đồ số 4 toạ lạc tại ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (Nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long); căn trừ số tiền lãi đã đóng vượt quá quy định pháp luật là 35.000.000 đồng vào số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng. Ông B, bà M đồng ý trả cho anh T số tiền 65.000.000 đồng, không tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Không yêu Toà án giải quyết đối với hợp đồng vay tiền giữa ông Trần Văn B, bà Lê Thị M với anh Thái Hoài T được công chứng ngày 02/08/2024 và buộc anh T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 453, tờ bản đồ số 4 do hợp đồng vay đã được huỷ và anh T đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 453 cho bà và ông B. Bà M và ông B chỉ đồng ý liên đới trả cho anh T số tiền vay gốc là 190.000.000 đồng và trả lãi số tiền này tính từ ngày 08/12/2025 đến ngày xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng. Đối với số tiền lãi đã đóng cho anh T thì yêu cầu tính lại theo quy định pháp luật để căn trừ vào tiền gốc.

** Tại đơn phản tố ngày 08/12/2025 của Bị đơn anh Thái Hoài T, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án anh T trình bày:*

Anh có cho bà M, ông B vay tiền 04 lần, gồm 03 lần như bà M trình bày và một lần vay số tiền 25.000.000 đồng không có lập thành văn bản. Tổng số tiền vay gốc là 215.000.000 đồng. Hai bên có lập “giấy mượn tiền” không đề ngày, tháng, năm bà M, ông B có ký tên xác nhận.

Đối với số tiền lãi và mức lãi suất bà M trình bày là không có. Các khoản vay đều thoả thuận lãi suất là 1,5%/tháng, khoản vay 25.000.000 đồng không có tính lãi.

Đối với số tiền vay 100.000.000 đồng đóng lãi được 07 tháng, mỗi tháng là 1.500.000 đồng, 07 tháng là 10.500.000 đồng.

Đối với số tiền vay 50.000.000 đồng đóng lãi được 06 tháng, mỗi tháng là 750.000 đồng, 06 tháng là 4.500.000 đồng.

+ Đối với số vay 40.000.000 đồng đóng lãi được 06 tháng, mỗi tháng là 600.000 đồng, 06 tháng là 3.600.000 đồng.

Do bà M, ông B đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên anh khởi kiện yêu cầu bà M, ông B có nghĩa vụ liên đới trả cho anh số tiền còn nợ lại là 215.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi chậm trả từ thời điểm khởi kiện ngày 08/12/2025 cho đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất 10%/năm, là 0,83%/tháng.

Hợp đồng vay tiền ngày 02/08/2024 đã huỷ và anh đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 453, tờ bản đồ số 4 cho bà M và ông B.

Đối với số tiền vay trên là do ông B, bà M vay không có liên quan đến chị Trần Lê Thúy O, việc chị O viết giấy mượn tiền ngày 13/10/2025 chỉ để làm tin cho khoản vay của bà M, ông B. Số tiền 215.000.000 đồng chị O viết trong “giấy mượn tiền” ngày 13/10/2025 là số tiền mà bà M, ông B viết giấy nhận nợ mới với anh. Anh xác định không có yêu cầu gì đối với chị Thúy O trong vụ án này.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2026/DS-ST ngày 22/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long đã quyết định:

1. Buộc bà Lê Thị M, ông Trần Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Thái Hoài T số tiền 222.968.000 đồng, trong đó số tiền vay gốc là 215.000.000 đồng, tiền lãi là 7.968.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị M, ông Trần Văn B về việc tính lại tiền lãi theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi chậm thi hành án, chi phí tố tụng; án phí sơ thẩm; quyền, nghĩa vụ liên quan đến thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 06/5//2026, nguyên đơn bà Lê Thị M, ông Trần Văn B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: bà Lê Thị M và ông Trần Văn B xác định ông, bà kháng cáo, không đồng ý trả cho anh T số tiền 222.968.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên, mà chỉ đồng ý trả cho anh T 117.000.000 đồng tiền gốc và chịu lãi trên số tiền này theo mức 0,83%/tháng tính từ ngày 08/12/2025 cho đến khi xét xử sơ thẩm, tính lại tiền lãi ông bà đã đóng vượt để cân trừ vào tiền nợ gốc. Anh T không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị M và ông Trần Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc bà M và ông B mỗi người chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 22/4/2026 Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tuyên án sơ thẩm, ngày 06/5/2026 bà Lê Thị M, ông Trần Văn B có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại giấy mượn tiền, không ghi ngày tháng năm (bút lục 35) có nội dung: ông B và bà M có mượn của ông T 215.000.000 đồng và nhận lại sổ đất (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) để làm hồ sơ vay ngân hàng trả số tiền nêu trên cho anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà M thừa nhận vào ngày 13/10/2025 bà và ông B có ký tên vào giấy mượn tiền này nhưng thực chất không có nhận số tiền 215.000.000 đồng từ anh T mà đây là tổng kết số tiền ông, bà vay của anh T 03 lần theo 03 biên nhận gồm: ngày 02/8/2024 vay 100.000.000 đồng, ngày 14/9/2024 vay 50.000.000 đồng, ngày 24/4/2024 vay 40.000.000 đồng và 25.000.000 đồng là tiền lãi. Song ông B và bà M không xuất trình được chứng cứ để chứng minh trong số tiền nhận nợ 215.000.000 đồng có 25.000.000 đồng là tiền lãi. Phía ông T không thừa nhận số tiền 25.000.000 đồng trong tổng số nợ 215.000.000 đồng là tiền lãi mà xác định là đây là tiền gốc ông giao cho bà M nên bà M mới đồng ý viết giấy nhận nợ của ông tổng số tiền 215.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông B và bà M trả cho ông T số tiền vay gốc 215.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu cản trừ số tiền lãi đã đóng vượt vào nợ gốc.

Bà M và ông B trình bày, số tiền lãi ông, bà đã đóng cho anh T theo mức 5%/tháng tổng cộng là 105 triệu đồng, tuy nhiên ông, bà chỉ xuất trình được tài liệu chứng cứ về việc trả lãi cho anh T 03 lần tổng cộng là 13.000.000 đồng. Anh T chỉ thừa nhận bà M trả lãi cho anh tổng cộng 18.600.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi bà M đã đóng cho anh T không vượt quá quy định pháp luật. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận cản trừ tiền lãi đã đóng vào tiền gốc theo yêu cầu của bà M và ông B là đúng quy định.

Bà M và ông B kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ gì mới để chứng minh nên kháng cáo không được chấp nhận.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà M và ông B mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm theo quy định nhưng do ông bà là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị M và ông Trần Văn B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2026/DS-ST ngày 22/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

Áp dụng các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 12, 26, 27, 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Lê Thị M và ông Trần Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Thái Hoài T số tiền 222.968.000 đồng (hai trăm hai mươi hai triệu chín trăm sáu mươi tám ngàn đồng), trong đó số tiền vay gốc là 215.000.000 đồng, tiền lãi là 7.968.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị M, ông Trần Văn B về việc tính lại tiền lãi đã đóng để căn trừ vào nợ gốc.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Lê Thị M, ông Trần Văn B được miễn toàn bộ.

Hoàn trả anh Thái Hoài T 5.375.000 đồng (năm triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0011590 ngày 08/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

4. Về án phí phúc thẩm: bà Lê Thị M, ông Trần Văn B được miễn toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 9 -Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- VP TAND tỉnh Vĩnh Long;
- PGĐKTTT&THA TANDTVL;
- Đường sự; Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Chi